

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

Bản án số: 68/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2021

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Chu Thị Bích Hiền

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Ngọc Đức, Bà Nguyễn Thị Nhung

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2021, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 373/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Phạm Văn H, sinh năm 1954 (có mặt)

Nơi thường trú: Số nhà X, tổ Y, phường G, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

**2. Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1955 (có mặt)

Nơi thường trú: Số nhà X, tổ Y, phường G, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, Nơi ở hiện nay: Số nhà A, tổ B, phường P, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

**\*Người làm chứng:**

1) Ông Phạm Hồng Nh, sinh năm 1958 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố B, phường M, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên

2) Ông Lê Xuân B, sinh năm 1952 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ Y, phường G, TPTN, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ông quen biết bà Nguyễn Thị Ng khi đó đang công tác tại xưởng công trình 3 thuộc Công ty xây lắp dân dụng năm 1977, sau đó ông và bà Ng có được tìm hiểu, được gia đình cưới hỏi theo phong tục và sinh sống cùng nhau tuy nhiên ông bà không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sinh sống ông và bà Ng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ những năm 1990, vợ chồng không sinh hoạt, ăn uống

chung, sống ly thân từ năm 2015. Đến nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hòa hợp, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

Về con chung: Ông H xác định trong quá trình chung sống giữa ông và bà Ng có 02 con chung là Phạm Văn H1, sinh năm 1978 và Phạm Thị Ng1, sinh năm 1981, đến nay các con chung đã trưởng thành, đủ sức khỏe để lao động và đã lập gia đình riêng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định vợ chồng tự thỏa thuận tài sản chung, vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị Ng trình bày: Bà được bạn bè giới thiệu, quen biết với ông Phạm Văn H, khi đó ông đang công tác tại Nhà máy cán thép Gia Sàng. Giữa bà và Ông H được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, có được gia đình 02 bên và cơ quan tổ chức cưới hỏi vào năm 1977, tuy nhiên do điều kiện và nhận thức tại giai đoạn đó nên bà và Ông H chưa đi đăng ký kết hôn cho đến nay.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1990 thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn. Mặc dù ở chung nhà nhưng giữa bà và Ông H từ năm 2015 không ai quan tâm đến ai mỗi người đều tự sinh hoạt và tự lo cho mình, do vợ chồng có quá nhiều bất đồng quan điểm đầu tháng 5 năm 2021 bà đã chuyển đến nhà em gái bà tên Nguyễn Thị B sinh sống từ đó cho đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, Ông H có đơn ly hôn bà nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa bà và Ông H có 02 con chung là Phạm Văn H1, sinh năm 1978 hiện đang làm lái xe ở Hà Nội và Phạm Thị Ng1, sinh năm 1981, hiện đang làm ở thành phố Hồ Chí Minh đến nay các con chung đã trưởng thành, đủ sức khỏe để lao động, học tập, đã lập gia đình riêng

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2021 tại Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên xác định: Qua tra cứu hồ sơ, Sổ Đăng ký kết hôn tại phường Gia Sàng từ năm 1977 trở về trước không còn lưu trữ được nên không có thông tin. Tại Ủy ban nhân dân phường Gia Sàng chỉ còn lưu hồ sơ Sổ đăng ký kết hôn từ năm 1986 cho đến nay, tuy nhiên qua tra cứu thì không có thông tin kết hôn của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ng.

Tại biên bản xác minh ngày 19/7/2021 tại Công an phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên xác định theo sổ sổ hộ khẩu 245 Q22 T21 xác định chủ hộ Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1955, ông Phạm Văn H, sinh năm 1955 có quan hệ với chủ hộ là: Chồng.

Tại bản tự khai của ông Lê Xuân B xác định: ông quen biết Ông H từ năm 1972 tại Công ty Gang Thép Thái Nguyên, cùng đi thực tập sinh tại Cộng hòa dân chủ Đức năm 1974, sau đó cùng công tác tại Nhà máy Cán Thép Gia Sàng.

Đối với ông Phạm Hồng Nh xác định là em trai của Ông H. Cả ông B và ông Nh đều xác định được biết Ông H và bà Ng kết hôn năm 1977 và chung sống đến nay, hai bên gia đình có tổ chức cưới cho Ông H bà Ng, ông bà sinh được hai người con, hiện nay hai con đã có gia đình.

Tại phiên tòa Ông H và bà Ng giữ nguyên quan điểm theo các bản tự khai đã trình bày, Ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, có 02 con chung đã trưởng thành, về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có; bà Ng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện, xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng; từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp hành đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình; mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn H, cho Ông H được ly hôn với bà Ng; Về con chung: đã trưởng thành không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không giải quyết do không yêu cầu. Ông H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ng cùng có nơi thường trú tại tổ Y, phường G, TPTN, tỉnh Thái Nguyên, Ông H có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Ông H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải do đó vụ án không tiến hành hòa giải được căn cứ vào khoản 3 Điều 203, Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông Phạm Văn H thấy giữa ông và bà Ng được tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, được gia đình 2 bên tổ chức

cưới hỏi theo phong tục, Ông H, bà Ng chung sống, chăm sóc, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình từ năm 1977. Đến năm 1990 giữa Ông H và bà Ng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bắt đầu quan điểm sống vì nhiều lý do khác nhau, ông bà sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Ông H và bà Ng chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn, được cưới hỏi theo phong tục từ trước ngày 03/01/1987 đến nay Ông H có đơn ly hôn, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân của Ông H và bà Ng là mâu thuẫn trầm trọng, việc duy trì hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2000; Điều 51, Điều 56, Điều 131 Luật Hôn nhân và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho ông Phạm Văn H ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

[2.2] Về con chung: Ông H và bà Ng có 02 con chung là Phạm Văn H1, sinh năm 1978 và Phạm Thị Ng1, sinh năm 1981. Hiện các con chung đã trưởng thành (trên 18 tuổi) đủ sức khỏe lao động, học tập và đã lập gia đình riêng Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự cùng xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, xác định không nợ ai, không cho ai vay nợ, nên Hội đồng xét xử không giải quyết

[3] Về án phí: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1954 là người cao tuổi căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn án phí dân sự về ly hôn cho Ông H, hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ông H.

[4] Từ những phân tích trên đại diện Viện kiểm sát thành phố Thái Nguyên đề nghị là phù hợp, được chấp nhận

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 206, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Văn H

1. Về hôn nhân: Cho ông Phạm Văn H ly hôn với bà Nguyễn Thị Ng.

2. Về con chung: Có 02 con đã trưởng thành (trên 18 tuổi), đủ sức khỏe để lao động, Tòa án không giải quyết

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Ông H và bà Ng xác định tự thỏa thuận tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí dân sự xin ly hôn cho ông Phạm Văn H. Hoàn trả ông Phạm Văn H số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004834 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị Ng được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên
- Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên;
- UBND P. Gia Sàng, TP Thái Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Thị Bích Hiền**